

Bản án số: 703/2017/DS-PT

Ngày: 07/08/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Lưu Trường Sanh

Bà Phạm Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tấn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 02 và ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/DSPT ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận X – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1438/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ Mạnh H, sinh năm: 1965; Địa chỉ cư trú: 220 đường S, phường P, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt tại phiên tòa*).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn H1, sinh năm: 1955; Địa chỉ: 06 đường T, Khu phố B, phường TĐ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt tại phiên tòa*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Mộng Tường V, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: 220 đường S, phường P, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Nguyễn Vũ Mạnh H đại diện tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 22/6/2015 tại Văn phòng Công chứng TP. (*Ông H có mặt tại phiên tòa*).

3.2 Bà Bùi Thị Kiều H2, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số 69/3C ấp C, xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà H2 vắng mặt theo đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử ngày 19/6/2015).

Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2013, các bản tự khai và các biên bản lập tại Tòa án nhân dân Quận X, nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Mạnh H trình bày:*

Ông Nguyễn Vũ Mạnh H cho ông Đoàn Văn H1 vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Vay 200.000.000đ theo biên nhận ngày 07/01/2012, thời hạn vay là 10 ngày, không tính lãi. Để đảm bảo khoản vay này, bị đơn đã thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà Triệu Bửu A đứng tên và Hợp đồng công chứng về việc chuyển nhượng tài sản trên cho Công ty Cổ phần TN do ông Đoàn Văn H1 làm Tổng giám đốc.

- Vay 150.000.000đ theo biên nhận ngày 18/01/2012, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 4%/tháng.

- Tổng cộng 02 lần vay là 350.000.000đ. Đến ngày 21/09/2012, ông Đoàn Văn H1 ký giấy hẹn xác nhận số nợ 370.000.000đ trong đó bao gồm 20.000.000đ trả thay nợ của bà Bùi Thị Kiều H2.

Đến ngày 08/02/2012, do ông Đoàn Văn H1 mượn lại giấy tờ chủ quyền nhà đất nêu trên để làm thủ tục thế chấp và vay tiền của Ngân hàng nhằm có tiền trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã trả lại giấy tờ trên cho ông Đoàn Văn H1 thông qua bà Bùi Thị Kiều H2 (Có bản chính biên nhận của bà H2 nộp kèm).

Nay nguyên đơn yêu cầu trả tiền gốc 370.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay đến 18/01/2017 theo lãi suất 8%/năm.

*Bị đơn - ông Đoàn Văn H1 trình bày như sau:*

Xác nhận có ký nợ ông Nguyễn Vũ Mạnh H 370.000.000đ nhưng thực chất chỉ nhận số tiền là 300.000.000đ, không đồng ý nhận nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000đ mà nguyên đơn cho bà H2 mượn. Đối với số nợ 350.000.000đ, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 350.000.000đ, thể hiện là việc nguyên đơn đã trả lại bộ hồ sơ bản chính giấy tờ nhà mà bị đơn đã thế chấp, ngoài ra không có chứng từ, chứng cứ gì khác. Bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm vì xét xử không đúng các tình tiết mà bị đơn trình bày.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị Kiều H2 trình bày:*

Bà có đến nhà ông Nguyễn Vũ Mạnh H nhận bản chính bộ hồ sơ nhà đất mang tên bà Triệu Bửu A và Hợp đồng chuyển nhượng theo yêu cầu của ông Đoàn Văn H1, còn việc giao dịch tiền bạc giữa hai ông như thế nào bà không biết và không liên quan.

Bà H2 yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Mộng Tường V do ông Nguyễn Vũ Mạnh H đại diện trình bày*

Số tiền ông Nguyễn Vũ Mạnh H cho ông Đoàn Văn H1 vay mượn là tài sản riêng của ông Nguyễn Vũ Mạnh H, bà không biết và không liên quan.

Tòa án nhân dân Quận X đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 như sau:

“Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Mạnh H.

Buộc ông Đoàn Văn H1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Vũ Mạnh H số tiền 516.800.000đ, bao gồm 370.000.000đ tiền nợ gốc và 146.800.000đ tiền lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/05/2017, bị đơn ông Đoàn Văn H1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên do bản án xét xử còn nhiều điểm chưa rõ, yêu cầu xét xử phúc thẩm lại và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Ông Đoàn Văn H1 cho rằng ông không ký giấy nợ ngày 18/01/2012 vay 150.000.000đ vì thực chất ông chỉ vay 100.000.000đ, ông cũng không ký giấy hẹn ngày 21/09/2012, Tòa án nhân dân Quận X đã không làm rõ ông có ký và viết các giấy này hay không. Ông Đoàn Văn H1 cho rằng ông chỉ vay ông Nguyễn Vũ Mạnh H số tiền 300.000.000đ, và ông đã trả đủ 350.000.000đ vào ngày 01/10/2012 nhưng không làm giấy tờ xác nhận trả nợ. Riêng khoản tiền 20.000.000đ ông Nguyễn Vũ Mạnh H cho bà Kiều H2 mượn, ông Nguyễn Vũ Mạnh H không giao số tiền này cho ông nên ông không đồng ý chịu trách nhiệm trả. Ông cho rằng trong ngày 08/02/2012 ông có làm 02 giấy biên nhận với ông Nguyễn Vũ Mạnh H: một là biên nhận đã trả đủ tiền và biên nhận thứ hai là nhận lại hồ sơ nhà đất đã thế chấp, nhưng ông (Bị đơn) không có (giữ) các biên nhận này.

Ông Nguyễn Vũ Mạnh H trình bày: Ông Đoàn Văn H1 vay nợ có xác nhận nợ, thể hiện qua các giấy biên nhận nợ, giấy hẹn mà ông đã nộp bản chính cho Tòa án. Ông Đoàn Văn H1 chưa trả tiền cho ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông xin rút lại một phần yêu cầu của mình như sau: Không yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm trả 20.000.000đ trong tổng số tiền nợ 370.000.000đ thể hiện trong giấy hẹn ngày 21/09/2012, vì đây là số tiền ông đã hỗ trợ cho bà H2 mượn lúc khó khăn. Ông cũng rút yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Th là vợ ông Đoàn Văn H1 cùng chịu trách nhiệm với chồng trả nợ cho ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên hợp lệ. Nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do án sơ thẩm xét xử không đầy đủ. Qua đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng ông Đoàn Văn H1 và ông Nguyễn Vũ Mạnh H có quan hệ vay mượn nợ. Ông Đoàn Văn H1 cho rằng mình đã trả 350.000.000đ cho ông Nguyễn Vũ Mạnh H nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Ông Nguyễn Vũ Mạnh H rút lại một phần yêu cầu: Không yêu cầu ông Đoàn Văn H1 trả số tiền 20.000.000đ là khoản tiền ông Nguyễn Vũ Mạnh H đã cho bà H2 mượn, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và quyết định sửa một phần án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo, ông Đoàn Văn H1 yêu cầu xét xử phúc hủy bản án sơ thẩm do xét xử sơ thẩm không đầy đủ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Đoàn Văn H1 thừa nhận có vay tiền ông Nguyễn Vũ Mạnh H nhưng cho rằng ông chỉ vay 300.000.000đ. Ông cho rằng Tòa án nhân dân Quận X đã không xem xét đến các giấy biên nhận ngày 18/01/2012 và ngày 21/09/2012 có phải do ông viết và ký không. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Văn H1 thừa nhận ông đã ký vào các biên bản hòa giải và biên bản không tiến hành hòa giải được của Tòa án nhân dân Quận X. Tại biên bản hòa giải ngày 22/06/2015 (BL 106-107) ông Đoàn Văn H1 xác nhận ông có ký vay nợ ông Nguyễn Vũ Mạnh H số tiền 370.000.000đ nhưng thực chất chỉ nhận 300.000.000đ và đã trả cho ông H (nguyên đơn) vào khoảng ngày 08/02/2012 tại quán cà-phê trên đường XT, Quận X. Tại Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được (BL 104) ông Đoàn Văn H1 xác nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy vay nợ ngày 07/01/2012, ngày 18/01/2012, ngày 21/05/2012 là chữ ký chữ viết của ông. Tại biên bản hòa giải ngày 23/03/2012 (BL 103) ông Đoàn Văn H1 trình bày: “Tôi ký giấy vay tiền là 370.000.000đ nhưng tôi chỉ nhận số tiền 300.000.000đ. ... Sau đó, tôi đã trả lại số tiền 300.000.000đ cho nhà ông H. Tôi trả số tiền 300.000.000đ xong thì gia đình ông H mới trả lại cho tôi toàn bộ giấy tờ thể chấp Công qua bà Bùi Thị Kiều H2.” Vậy, việc bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân Quận X không xem xét đầy đủ các chứng cứ, không xác định các giấy biên nhận nợ ngày 18/01/2012 và ngày 21/09/2012 có phải do ông viết và ký không là không có căn cứ.

Xét lời trình bày ông Đoàn Văn H1 về việc số tiền ông vay thực chất là 300.000.000đ hay là 350.000.000đ hay 370.000.000đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Ông Đoàn Văn H1 thừa nhận ông có ký nhận và đã nhận đủ số tiền 200.000.000đ theo biên nhận ngày 07/01/2012, riêng biên nhận ngày 18/01/2012 ông H1 không thừa nhận, ông trình bày chỉ nhận và ký nợ 100.000.000đ, giấy biên nhận ngày 18/01/2012 là do ông Nguyễn Vũ Mạnh H ký giả mạo (Bản trình bày bổ sung đơn kháng cáo ngày 03/05/2017). Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Văn H1 đã được Hội đồng xét xử cho xem các giấy biên nhận nợ bản chính có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên nhận ngày 18/01/2012, ông Đoàn Văn H1 đã thừa nhận đó là do ông ký và viết. Do vậy, việc ông cho rằng giấy biên nhận ngày 18/01/2012 là do ông Nguyễn Vũ Mạnh H ngụy tạo là không đúng, vì chính ông thừa nhận ông đã viết và ký tên trên biên nhận này. Ngoài ra, ông cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh ông chỉ nhận 100.000.000đ thay vì nhận đủ 150.000.000đ như ông đã viết và ký nhận. Vậy, căn cứ vào các giấy biên nhận ngày 07/01/2012 và 18/01/2012 do ông Đoàn Văn H1 viết và ký tên, đủ cơ sở khẳng định ông Đoàn Văn H1 đã vay ông Nguyễn Vũ Mạnh H là 350.000.000đ. Riêng giấy hẹn ngày 21/09/2012, ông Đoàn Văn H1 ghi tổng số nợ còn thiếu ông Nguyễn Vũ Mạnh H là 370.000.000đ, nhưng cả hai bên thừa nhận là trong số 370.000.000đ có 20.000.000đ là tiền ông Nguyễn Vũ Mạnh H đã cho bà Bùi Thị Kiều H2 mượn, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu buộc bị đơn chịu trách nhiệm trả số tiền 20.000.000đ này, bị đơn cũng đồng ý việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn và không kháng cáo đối với số tiền 20.000.000đ, căn cứ khoản 3 Điều 289, Điều 295 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét về việc bị đơn đã trả hay chưa trả số nợ vay 350.000.000đ, nhận thấy: Ông Đoàn Văn H1 cho rằng mình đã trả đủ khoản nợ vay của nguyên đơn: Tại BL.103, 104 và Bản khai ngày 02/01/2014 (BL.98), bị đơn trình bày rằng mình đã trả 300.000.000đ cho nguyên đơn vào khoảng ngày 08/02/2012, nhưng tại BL.107 và tại trang 4 “Bản trình bày v/v bổ sung đơn kháng cáo ngày 01/08/2017” cũng như lời trình bày phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Văn H1 cho rằng ông đã trả 350.000.000đ vào ngày 01/10/2012, vậy lời trình bày của ông Đoàn Văn H1 về số tiền đã trả và thời gian trả là không thống nhất và mâu thuẫn, bị đơn cũng cho rằng chứng cứ chứng minh ông đã trả đủ tiền cho nguyên đơn là việc nguyên đơn đã trả lại bộ hồ sơ giấy tờ nhà bản chính thông qua bà H2 nhưng ông Đoàn Văn H1 trình bày mình trả tiền vào ngày 01/10/2012 (tại các bút lục vừa nêu) trong khi bà Kiều H2 đã ký nhận lại toàn bộ hồ sơ nhà đất vào ngày 08/02/2012. Vậy lời trình bày của bị đơn về việc đã trả đủ tiền cho nguyên đơn là không đủ cơ sở nên không được chấp nhận, do vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi được trừ đi số tiền 20.000.000đ mà nguyên đơn không yêu cầu như sau:

|              | Tiền lãi tính theo yêu cầu của nguyên đơn 8%/năm |                            |                            |               |
|--------------|--------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|---------------|
| Tiền vay gốc | 07/01/2012 -<br>17/01/2012                       | 18/01/2012 -<br>17/02/2012 | 18/02/2012 -<br>18/01/2017 | Tổng cộng lãi |
| 200 000 000  |                                                  | 1. 333. 333                | 78. 666 .667               | 80 000 000    |
| 150 000 000  |                                                  | 1. 000. 000                | 59. 000. 000               | 60 000 000    |

Vậy ông Đoàn Văn H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 490.000.000đ. Trả đủ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng số nợ vay của nguyên đơn là do bị đơn vay để thực hiện kinh doanh cho Công ty Cổ phần TN, không phải là vay cho cá nhân ông Đoàn Văn H1 nên không liên quan đến vợ ông là Nguyễn Thị Th, xét thấy: Giấy biên nhận nợ do bị đơn tự ký tên, không ghi tên và không đóng dấu công ty TN, bị đơn cũng không xuất trình được chứng từ chứng minh đã nộp số tiền vay của ông Nguyễn Vũ Mạnh H vào tài khoản của công ty TN, do vậy không đủ cơ sở để chứng minh đây là khoản vay của công ty TN. Bản án sơ thẩm nhận định do ông Nguyễn Vũ Mạnh H và ông Đoàn Văn H1 xác nhận bà Nguyễn Thị Th không liên quan đến số tiền vay 370.000.000đ nên không đưa bà Th vào tham gia tố tụng là thiếu sót, vì tại BL.104 nguyên đơn đã yêu cầu cả bị đơn và vợ là Nguyễn Thị Th chịu trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn tiếp tục giữ yêu cầu bà Thoi cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn vì bà Thoi và ông Đoàn Văn H1 là vợ chồng và hiện đang cùng sở hữu tài sản chung. Xét thấy việc đưa bà Nguyễn Thị Th vào tham gia tố tụng là cần thiết, vì tuy bà Th không là người trực tiếp vay nợ nhưng bà Th có nghĩa vụ liên đới trong trách nhiệm trả nợ chung, tuy nhiên sau đó nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và bổ sung lời trình bày không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ. Do đây là sự tự nguyện không yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Xét thấy do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa bản án sơ thẩm ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận một phần kháng cáo kháng cáo của bị đơn.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được điều chỉnh lại như sau:

- Bị đơn chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thi hành án là: 23.600.000đ và phần án phí sơ thẩm đã tuyên đối với số tiền 20.000.000đ do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tổng cộng là 24.400.000đ.

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu và được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn H1.

1. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận X như sau:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Mạnh H.

Đình chỉ yêu cầu buộc ông Đoàn Văn H1 trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mà ông Nguyễn Vũ Mạnh H đã cho bà Bùi Thị Kiều H2 mượn và ông Đoàn Văn H1 ghi vào tổng số nợ (370.00.000đ) trong giấy hẹn ngày 21/09/2012.

Buộc ông Đoàn Văn H1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Vũ Mạnh H số tiền 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng), bao gồm 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền lãi.

Thi hành đủ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn H1 phải chịu số tiền 24.400.000đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), nộp tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 3.672.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 4807 ngày 23/02/2017 và 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 03814 ngày 05/12/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày ông Nguyễn Vũ Mạnh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đoàn Văn H1 không chịu trả tiền theo quy định trên thì hàng tháng ông Đoàn Văn H1 còn phải trả tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo các biên lai số 0004991 ngày 03/05/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Hiền**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi       giờ       phút, ngày 07 tháng 8 năm 2017.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Thẩm phán: Ông Lưu Trường Sanh

Bà Phạm Thị Thảo

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 239/2017/DSPT ngày 19 tháng 06 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Vũ Mạnh H, sinh năm: 1965; Địa chỉ cư trú: 220 đường S, phường P, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt tại phiên tòa*).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn H1, sinh năm: 1955; Địa chỉ: 06 đường T, Khu phố B, phường TĐ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt tại phiên tòa*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.3 Bà Nguyễn Mộng Tường V, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: 220 đường S, phường P, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của bà Vi: Ông Nguyễn Vũ Mạnh H đại diện tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 22/06/2015 tại Văn phòng Công chứng Tân Phú. (*Ông H có mặt tại phiên tòa*).

3.4 Bà Bùi Thị Kiều H2, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số 69/3C ấp C, xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Bà H2 vắng mặt theo đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử ngày 19/06/2015*).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:**

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn H1.

1. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận X như sau:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Mạnh H.

Đình chỉ yêu cầu buộc ông Đoàn Văn H1 trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mà ông Nguyễn Vũ Mạnh H đã cho bà Bùi Thị Kiều H2 mượn và ông Đoàn Văn H1 ghi vào tổng số nợ (370.00.000đ) trong giấy hẹn ngày 21/09/2012.

Buộc ông Đoàn Văn H1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Vũ Mạnh H số tiền 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng), bao gồm 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền lãi.

Thi hành đủ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn H1 phải chịu số tiền 24.400.000đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), nộp tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 3.672.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 4807 ngày 23/02/2017 và 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 03814 ngày 05/12/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày ông Nguyễn Vũ Mạnh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đoàn Văn H1 không chịu trả tiền theo quy định trên thì hàng tháng ông Đoàn Văn H1 còn phải trả tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo các biên lai số 0004991 ngày 03/05/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. /.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 07 tháng 8 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Trường Sanh**

**Phạm Thị Thảo**

**Nguyễn Thị Thanh Hiền**